

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-BLĐTBXH ngày 24/02/2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ về lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 99/TTr-SNV ngày 28 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Công bố 02 Danh mục thủ tục hành chính gồm: 01 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; 01 danh mục thủ tục hành chính liên thông giữa các cấp chính quyền được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Bãi bỏ 01 Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

(Có phụ lục II ban hành kèm theo)

3. Phê duyệt 02 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

(Có Phụ lục III ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ 02 Danh mục thủ tục hành chính gồm: 01 Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh có số thứ tự 62 tại mục tại mục V phần A; 01 Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện có số thứ tự 117 tại mục II, phần B, Phụ lục I; bãi bỏ 02 Quy trình nội bộ có số thứ tự 51, mục II, phần A và số thứ tự 14, mục II, phần C, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- VNPT Sơn La;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục I
DANH MỤC

Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	Lĩnh vực: Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng					
	Cấp tỉnh: 01 TTHC					
1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua đường bưu điện hoặc trên môi trường mạng	Theo quy định tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

						Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 13/2024/TT-BLĐTBXH ngày 05/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 26/2018/TT-BLĐTBXH.
--	--	--	--	--	--	---

B	Lĩnh vực: Lao động, tiền lương, quan hệ lao động					
	Thủ tục hành chính liên thông 3 cấp chính quyền: 01 TTHC					
2	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua đường bưu điện hoặc trên môi trường mạng	Không quy định	- Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 08/2023/TTLT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc

						lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a; - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a.
--	--	--	--	--	--	---

Phụ lục II
DANH MỤC

**Thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lao động, tiền lương,
quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	Thủ tục hành chính cấp huyện				
1	1.004959.000.00.00.H52	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	Bộ luật Lao động năm 2019	Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	UBND cấp huyện

Phụ lục III
DANH MỤC

**Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;
Lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. Lĩnh vực: Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

1. Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành

- Thời gian giải quyết: 3 ngày làm việc
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn hồ sơ về phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ tham mưu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị	Kèm theo bản scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng Xây dựng chính quyền	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
B3	Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng XDCQ thẩm định xử lý hồ sơ	Các văn bản đầu ra	01 ngày
B4	Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo phòng XDCQ	Ý kiến thẩm định	0,5 ngày
B5	Lãnh đạo phê duyệt giao Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt	Ý kiến phê duyệt	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				3 ngày

II. Lĩnh vực: Lao động, tiền lương, quan hệ lao động

1. Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a

- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Người hưởng trợ cấp hoặc thân nhân người hưởng trợ cấp	Nộp bộ hồ sơ theo quy định cho Ủy ban nhân dân cấp xã (UBND) nơi người lập Tờ khai đăng ký thường trú.	Hồ sơ đề nghị và các giấy tờ theo qui định	10 ngày
B2	UBND cấp xã	tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, tổng hợp xong danh sách đề nghị người hưởng trợ cấp	Hồ sơ, các giấy tờ theo qui định	
		Công khai danh sách người hưởng trợ cấp	Các văn bản đầu ra	
		Hết thời hạn công khai danh sách, UBND cấp xã gửi về Phòng Nội vụ cấp huyện	Danh sách đề nghị và Hồ sơ đề nghị	3,5 ngày
B3	UBND cấp huyện	Tiếp nhận danh sách và hồ sơ của người hưởng trợ cấp do UBND cấp xã lập, Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (Phòng Nội vụ cấp huyện)	Hồ sơ, các giấy tờ theo qui định	0,5 ngày
		Cán bộ, chuyên viên Phòng Nội vụ cấp huyện	Các văn bản đầu ra	1 ngày
		Phòng Nội vụ trình Chủ tịch UBND cấp huyện	Ý kiến thẩm định	1 ngày
		UBND cấp huyện gửi hồ sơ UBND cấp tỉnh	Ý kiến phê duyệt	0,5 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		thông qua (Sở Nội vụ)		
B4	Tiếp nhận danh sách và hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm scan hồ sơ	0,5 ngày
B5	Phòng XDCQ tiếp nhận hồ sơ	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	0,5 ngày
		Chuyên viên phòng XDCQ thụ lý, xử lý hồ sơ	Các văn bản đầu ra	1 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	0,5 ngày
B6	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nội vụ	Ý kiến phê duyệt, Giao VT lấy số, vào sổ phát hành	0,5 ngày
B7	Bộ phận một cửa trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là VB văn thư đã gửi	0,5 ngày
		Tổng thời gian thực hiện		20 ngày